

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày 17 – 3 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thanh Vy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Tấn Phát

Bà Lê Thị Thúy Vân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Vương Lệ Hằng, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Tiểu Phương - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 529/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Trúc Đ, sinh năm 1996; Nơi cư trú: ấp H, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

- **Bị đơn:** Ông Trịnh Mạnh K, sinh năm 1996; Nơi cư trú: đường T, ấp H, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 9 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Trúc Đ trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Trịnh Mạnh K chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố T vào năm 2016. Quá trình chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do ông K không quan tâm, lo lắng cho gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay tình cảm vợ

chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, bà yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trịnh Nhật H, sinh ngày 29/9/2014, Trịnh Nhật An N, sinh ngày 25/11/2019. Yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trịnh Mạnh K, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng, giấy triệu tập nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng trong vụ án và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, xác định thẩm quyền, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo đúng thành phần Hội đồng xét xử, phạm vi xét xử, trình tự thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của bà Đ đối với ông K.

Về con chung: Giao 02 con chung Trịnh Nhật H, sinh ngày 29/9/2014, Trịnh Nhật An N, sinh ngày 25/11/2019 cho bà Đ, ghi nhận bà Đ không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Trịnh Mạnh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do, bà Nguyễn Trúc Đ có đơn đề nghị giải

quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Trúc Đ, ông Trịnh Mạnh K chung sống với nhau từ năm 2014, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh vào năm 2016. Quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông K là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo hộ.

[2.2] Bà Đ trình bày, sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do ông K không còn quan tâm, lo lắng cho gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà Đ yêu cầu được ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân từ năm 2018. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc cũng như không tham gia phiên tòa, không thể hiện ý chí muốn hàn gắn với bà Đ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Đ là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trịnh Nhựt H, sinh ngày 29/9/2014, Trịnh Nhựt An N, sinh ngày 25/11/2019. Quá trình làm việc, ông K không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với con chung, bà Đ có nguyện vọng được nuôi 02 con chung, cháu Huy cũng đồng ý sống với mẹ. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Đ về việc nuôi con chung, giao cháu Trịnh Nhựt H, sinh ngày 29/9/2014, Trịnh Nhựt An N, sinh ngày 25/11/2019 cho bà Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận bà Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Bà Đ trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà Đ trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

[5] Về án phí: Bà Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 227; Điều 228, Điều 235, Điều 264 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 55, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Trúc Đ với ông Trịnh Mạnh K.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Trúc Đ được ly hôn với ông Trịnh Mạnh K.

Về con chung: Giao cháu Trịnh Nhựt H, sinh ngày 29/9/2014, Trịnh Nhựt An N, sinh ngày 25/11/2019 cho bà Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận bà Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung: Bà Đ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà Đ trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Trúc Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Đ đã nộp theo biên lai thu số 0003517 ngày 22/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận bà Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thành phố Tây Ninh;
- Chi cục THADS thành phố Tây Ninh;
- UBND xã B, TP. T, tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu: VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Võ Thanh Vy